

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 28

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Phở nấu mực, bắp mỹ, củ cải, cải bó xôi, ngô gai, hạt màu điều
- Uống sữa Netsure
Trưa: Com trắng
- Cánh gà chiên nước mắm, hành lá
- Canh đu đủ nấu tôm khô, nấm linh chi, húng quế
Xế: Bánh Pudding trứng sữa
Xế Chiều: Bún sườn heo, nấm mèo, cà rốt, hẹ, giá, hành phi, tiêu xay, xà lách xoăn

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	400	3,140	12,560
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối löt	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	1,800	2,560	46,080
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,460	5,460
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,930	4,465
8	0645	Bánh phở khô	400	8,800	35,200
9	0007	Ngô bắp tươi	200	4,200	8,400
10	N0779	Cải bó xôi	100	8,190	8,190
11	0103	Củ cải trắng	200	3,150	6,300
12	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	50	6,510	3,255
13	0632	Mực ống	500	36,650	183,250
14	N0772	Thịt ức gà	1,400	12,920	180,880
15	0426	Tôm khô	100	78,100	78,100
16	0115	Đu đủ xanh	800	3,890	31,120
17	0158	Rau húng	50	11,030	5,515
18	0212	Nấm thường tươi	100	19,360	19,360
19	0207	Nấm mèo (Mộc nhĩ)	20	16,500	3,300
20	N0956	Bún gạo 3 Cây dừa	300	4,950	14,850
21	0089	Cà rốt	200	5,780	11,560
22	0118	Giá đậu xanh	100	2,730	2,730
23	0124	Hẹ lá	50	5,360	2,680
24	0172	Rau xà lách	100	4,620	4,620
25	N0770	Thịt nạc dăm	200	18,480	36,960

26	0335	Sườn heo	300	25,730	77,190
27	0457	Sữa bột toàn phần	506.21	20,500	103,773
28	0646	Bánh pudding	1,120	11,800	132,160
Tổng cộng					1,035,998

Tổng tiền thực phẩm	1,035,998
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,035,999
Số dư đầu ngày	-1
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	5,661,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	5,660,999

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan